

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC4+RP1	7:25	12+7+3	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
2		RC5+RP3	7:25	10+12	0+0		3+19	0+0	
3		C10+BK16+RP3	7:25	4+1+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4		PVD2+BK6+RP3	7:25	5+2+14	0+0+0		0+0+20	0+0+0	
5		VSP02+RC6	9:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
6		CTK3+VSP01+PPD	9:25	13+0+7	0+0+0		11+3+8	0+0+0	chuyen 1 VSP01-PPD
7		TD2+P4-TTC1	9:25	15+7+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
8		BK3+PPD+TD5	9:25	0+21	0+0		0+21	0+0	chuyen 1 bk3- ppd
9		RCDM+MRM+RC5	11:25	8+12+1	0+0+0		6+10+5	0+0+0	
10		RP1+RC3+RC4	11:25	19+0+1	0+0+0		16+2+4	0+0+0	chuyen 1 rc3- rc4
11		P10+CL+GTC1	11:25	14+3+0	0+0+0		7+8+6	0+0+0	
12		P2+VSP02+PVD1	11:25	16+5+1	0+0+0		2+16+4	0+0+0	
13		P3+P2	13:25	6+14	0+0		0+20	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RC4-3ng, RC5-2 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	TO: RP3 - RC4 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - NPhú - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THANH HOA	RP3	07-08	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DUC THUAN	RP3	04	1	2		86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	09	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI ANH SON	RP3	700	1	2	70	73	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN THANH	RP3	05	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
6	VU TAN CHAU	RP3	01	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CHINH THI	RP3	02	1	2		77	KHI	Vietnamese
8	PANKRATOV.R	RP3	06	1	10		75	KHI	Russian
9	NGUYEN HOANG NAM	RP3	03	1	6		82	KHI	Vietnamese
10	VU MANH CUONG	RP3	10	1	8		70	KHI	Vietnamese
11	LE DUC VIET	RP3	15	1	3		73	KHI	Vietnamese
12	TRINH BA DONG	RC4	39	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
13	DAO TRUNG KIEN	RC4	44	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
14	KRAMARENKO V.V.	RC4	38	1	2		65	KH-THAC	Russian
15	NGUYEN TRONG MINH	RC4	40	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN TUNG	RC4	42	1	6	35	75	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU TIEN BINH	RC4	43	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐANG MINH DUNG	RC4	41	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
19	KOROQLUEV RAMIL	RP1	89	1	5		80	KH-THAC	Russian
20	TRAN QUANG TUNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VIET THANH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

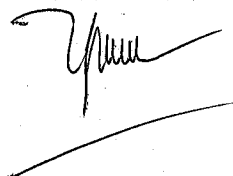
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	12	62	806	70	8		
2	RC4	7	7	24	480	35	4		
3	RP1	3	1	5	224	0	10		
TOTAL		21	20	91	1.510	105	22		
WEIGHT KG				91	1.510	105			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RC5 - RP3	CREW: VThắng - ĐNam - <i>Nam</i>	ETA: 09:15
CAM-1			

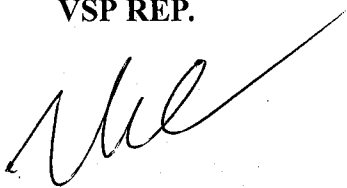
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI DOAN BINH	RC5	44	1	10	15	80	NIPI	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC HONG	RC5	43	1	7	20	71	KH-THAC	Vietnamese
3	KURPANOV V.A	RC5	40	1	5		72	KH-THAC	Russian
4	BUI QUOC VIET	RC5	42	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TRUNG	RC5	46	1	10	16	78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HOANG TUNG	RC5	49-50	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE HAI ANH	RC5	47-48	2	17		69	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN QUANG VU	RC5	52	1	16		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG THANG	RC5					72	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM THI HUONG	RC5	41	1	2		61	NIPI	Vietnamese
11	BUI VAN PHU	RP3	18	1	3	75	69	KHI	Vietnamese
12	LE HOANG ANH	RP3	13	1	6		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HA	RP3	16	1	6		80	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	17	1	7		81	KHI	Vietnamese
15	PHAN VAN THINH	RP3	19	1	6		75	NIPI	Vietnamese
16	DO TRONG HAI	RP3	98	1	12	22	76	YTE	Vietnamese
17	PHAM VAN ANH	RP3	11	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG VAN THUONG	RP3	09	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG QUANG THUONG	RP3	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	VU THANG	RP3	12	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CONG	RP3	15	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VAN HOA	RP3	14	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

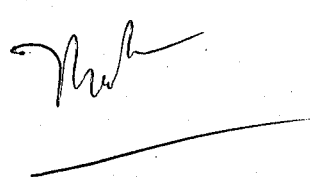
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	10	11	92	724	51	3		
2	RP3	12	12	78	886	97	19		
TOTAL		22	23	170	1.610	148	22		
WEIGHT KG				170	1.610	148			

GRAND TOAL: 1.928 KGS

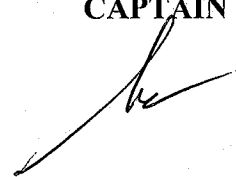
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: CLO - BK16 - RP3	CREW: ĐỨC - MTHẮNG - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHCHERBAKOV MAXIM	CLO	05	1	8		99	KHOAN	Russian
2	ZADOROZHNY VLADIMIR	CLO	04	1	7		102	KHOAN	Russian
3	BAKHMATSKIY SERGEY	CLO	02	1	6	20	102	D-HANH	Russian
4	ĐỖ DUY ĐÔNG	CLO	03	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HÙNG	BK16	92	1	5	35	83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	89-90	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	92	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG XUÂN HÙNG	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG DUNG	RP3	86,83	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	81-82	2	13		53	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	99	1	2	20	65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	88	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC HUY	RP3	84	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THANH LONG	RP3	93-94	2	13		87	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG HÙNG	RP3	85	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC OANH	RP3					69	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ NGỌC HÙNG	RP3	87	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÈ HUY	RP3	98	1	13	20	83	CODIEN	Vietnamese
21	TRỊNH QUANG HUY	RP3	96	1	7		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	4	28	373	20	0		
2	BK16	1	1	5	83	35	0		
3	RP3	16	18	107	1.135	40	22		
TOTAL		21	23	140	1.591	95	22		
WEIGHT KG				140	1.591	95			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	TO: PVD2 - BK6 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG ANH	PVD2	93	1	8		70	TTAT	Vietnamese
2	AGISHEV ERNEST RAVILEVICH	PVD2	90-91	2	10		68	D-HANH	Russian
3	ĐO MINH QUÂN	PVD2	94	1	5		97	NIPI	Vietnamese
4	PHẠM MINH CUÔNG	PVD2	95	1	5		72	D-HANH	Vietnamese
5	ĐO ĐỨC ANH	PVD2	92	1	12	14	78	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN ANH QUANG	BK6	23-24	2	20		78	CODIEN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH TUÂN	BK6	25	1	13		72	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM DUY DŨNG	RP3					76	KHI	Vietnamese
9	LÊ XUÂN HIỆN	RP3	93	1	7		75	KHI	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	94	1	4		64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	95	1	3		62	KHI	Vietnamese
12	LẠI VĂN MINH	RP3	96	1	3		62	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUANG	RP3	86-87	2	12	90	67	KHI	Vietnamese
14	DƯƠNG MẠNH HIỆN	RP3	88-89	2	18		62	KHI	Vietnamese
15	VÔ VĂN THUẬN	RP3	92	1	5		56	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	RP3	91	1	6		56	ANTOAN	Vietnamese
17	PHẠM DUY CHUNG	RP3	90	1	5		67	DANG KIE	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH TRUNG	RP3	83-84	2	16		72	D HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CHI	RP3	85	1	8		65	D HANH	Vietnamese
20	TÀ PHI KHANH	RP3					73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	5	6	40	385	14	0		
2	BK6	2	3	33	150	0	0		
3	RP3	13	14	87	857	90	20		
TOTAL		20	23	160	1.392	104	20		
WEIGHT KG				160	1.392	104			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - VSP01 - PPD	CREW: VThắng - ĐNam - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	70	1	9	60	63	KH-THAC	Vietnamese
2	CU XUÂN HUY	CTK3	74	1	11		60	HVJOC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH HUY	CTK3	73	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUÂN NGỌC	CTK3	68-69	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ VĂN MINH	CTK3	84-85	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN SỸ ANH TŨ	CTK3	72	1	15	20	75	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN VĂN TUÂN	CTK3	77	1	8		75	PSV	Vietnamese
8	ĐO VĂN KHÁNH	CTK3	78	1	3		75	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THU TRANG	CTK3	75	1	5		76	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN BÁC	CTK3					70	PSV	Vietnamese
11	PHAN CÔNG SÂM	CTK3	76	1	4		68	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	CTK3	80	1	7		67	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG TUNG	CTK3	71	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	48	1	10	70	86	KHI	Vietnamese
15	ĐANG HỒNG QUÂN	PPD	47	1	7		78	KHI	Vietnamese
16	ĐÌNH NGỌC QUY	PPD	44	1	6		76	KHI	Vietnamese
17	VŨ QUANG ĐẠT	PPD	45	1	4		58	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	50	1	4		76	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	49	1	5		66	KHI	Vietnamese
20	LÊ HỒNG PHONG	PPD	46	1	8		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

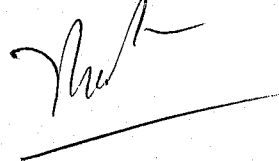
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	14	110	882	80	11		CHUYEN 1 PAX VSP01-PPD
2	VSP01	0	0	0	0	0	3		
3	PPD	7	7	44	520	70	8		
TOTAL		20	21	154	1.402	150	22		
WEIGHT KG				154	1.402	150			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	TO: TD2 - P4 - TTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	03	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD2	04	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ VĂN SƠN	TD2	02	1	8		84	KHOAN	Vietnamese
4	MAI THÈ HIỀN	TD2	01	1	12	40	84	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ THANH HẢI	TD2	07	1	8		65	DVL	Vietnamese
6	ĐỖ TIẾN DUNG	TD2	06	1	6		57	DVL	Vietnamese
7	BUI BẠCH DƯƠNG	TD2	08	1	12		70	DVL	Vietnamese
8	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	70	1	4		73	KHI	Vietnamese
9	LÊ MINH HIỂU	P4	99	1	6		74	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	57	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	56	1	3		56	KHI	Vietnamese
12	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	58	1	7		72	KHI	Vietnamese
13	HOANG VĂN HUNG	P4					72	KHI	Vietnamese
14	TRẦN ĐUÔNG	P4	59	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
15	NÔNG MINH HẢI	P4	60	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
16	TẠ VĂN QUYNH	P4					76	KHI	Vietnamese
17	HOANG TRỌNG TÂN	P4	97	1	6		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ANH	P4	76	1	7		65	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	500	1	3		81	KHI	Vietnamese
20	LÊ HUY CHUÔNG	P4	69	1	11		57	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	98	1	5		67	KHI	Vietnamese
22	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	55	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

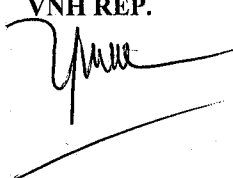
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	7	65	500	40	4		
2	P4	15	13	82	1.040	0	16		
3	TTC1	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	20	147	1.540	40	22		
WEIGHT KG				147	1.540	40			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: BK3 - PPD - TD5	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	01	1	7		62	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	08	1	5		57	KHI	Vietnamese
3	BUI NGOC HUONG	PPD	13	1	7		63	KHI	Vietnamese
4	TRẦN SƠN NAM	PPD	10	1	4		84	KHI	Vietnamese
5	LÊ HUY VINH	PPD	02	1	5		62	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	15	1	4		68	KHI	Vietnamese
7	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	06	1	6		87	KHI	Vietnamese
8	HÀ THÈ BẢO	PPD	03	1	7		76	KHI	Vietnamese
9	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	19	1	4		67	KHI	Vietnamese
10	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	18	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	04-05	2	10		55	KHI	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	12	1	5		79	KHI	Vietnamese
13	TRẦN HOÀNG CHUÔNG	PPD	17	1	5		60	KHI	Vietnamese
14	VŨ VĂN TIẾN	PPD	07	1	5	40	67	PSV	Vietnamese
15	TRẦN MẬU SƠN	PPD	16	1	4		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LINH	PPD	09	1	5		69	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	PPD					60	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN DOANH	PPD	11	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	TẠ QUANG PHÚC	PPD	14	1	4		110	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

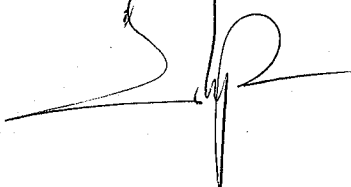
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	0	0	0	0	45	0	1	CHUYEN 1 PAX BK3-PPD
2	PPD	19	19	97	1.338	40	19		
3	TD5	0	0	0	0	60	3		
TOTAL		19	19	97	1.338	145	22		
WEIGHT KG				97	1.338	145			

GRAND TOAL: 1.580 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	TO: RCDM - MRM - RC5	CREW: Linh - Phong - QTrưởng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	69-70	2	12	50	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	68	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	62-63	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RCDM	600	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HOÀNG LONG	RCDM	66-67	2	20		78	NIPi	Vietnamese
6	MAI CAO ĐỊNH	RCDM	64	1	5		60	PSV	Vietnamese
7	NGÔ ĐỨC QUÝ	RCDM	65	1	4		61	PSV	Vietnamese
8	PHẠM VĂN KỶ	MRM	86	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	MRM	93	1	14		68	DVL	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN CHUNG	MRM	90	1	17		75	DVL	Vietnamese
11	VÕ CHÍ THANH	MRM	94-95	2	15		78	DVL	Vietnamese
12	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	MRM	91-92	2	15		71	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN DUNG	MRM	84-85	2	20		87	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC HÀ	MRM	87	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI VĂN ANH	MRM	83	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN GIANG	MRM	81	1	12		83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CUÔNG	MRM	88	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	MRM	82	1	11		100	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRẦN TUẤN AN	MRM	89	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUẤN	RC5	01	1	11	30	74	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI VĂN TƯỜNG	RC5	100	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	10	65	499	50	6		
2	MRM	12	15	166	946	0	10		
3	RC5	2	2	15	140	30	5		
TOTAL		21	27	246	1.585	80	21		
WEIGHT KG				246	1.585	80			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: RP1 - RC3 - RC4	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	94	1	7		91	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RP1	95	1	9	15	66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TAO QUANG NGÂN	RP1					65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH HIỆU	RP1	79	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	88	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BẠC HÀ	RP1	99	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	85	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG THẾ ANH	RP1	87	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CÚC	RP1	91	1	13		83	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THUY	RP1	80-81	2	16		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ BA TUÂN	RP1	92	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NG PHI KHAI HOÀN	RP1	82	1	3	13	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	89	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BÀ QUY	RP1	83	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG HIỆU	RP1	90	1	6	15	57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	93	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN TRUNG	RP1	97	1	10	10	66	YTE	Vietnamese
20	PHAN THANH CÔNG	RC4	47	1	6	22	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	19	19	121	1.341	53	16		CHUYEN 1 PAX RC3-RC4
2	RC3	0	0	0	0	27	2+	1	
3	RC4	1	1	6	60	22	4		
TOTAL		20	20	127	1.401	102	22		
WEIGHT KG				127	1.401	102			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	TO: P10 - CLI - GTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TTrung - VLin - Toan	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN HOANG	P10	60-61	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN SỸ LỰC	P10	58-59	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
3	PHUNG THỂ TÀI	P10	34-35	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG XUAN KIEN	P10	49-50	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
5	LUU CONG DINH	P10	45	1	7		64	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN HUU QUYNH	P10	40	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P10	47	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN DANH HẠNH	P10	46	1	9		58	XAYLAP	Vietnamese
9	VÔ VĂN SƠN	P10	41-42	2	18		53	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN MẠNH	P10	43-44	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN BĂNG	P10	48	1	14		71	XAYLAP	Vietnamese
12	LE XUAN TIEN	P10	56-57	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG TUYẾN	P10	54-55	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TIEN	P10	51-53	3	18		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THƯƠNG	CLI				23	66	PSV	Vietnamese
16	HOANG THE HUNG	CLI	80	1	8		69	PSV	Vietnamese
17	TRAN PHI LONG	CLI	83	1	18		73	DHANH	Vietnamese
18	DANG LE QUANG DUY	CLI	81-82	2	11		57	DHANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

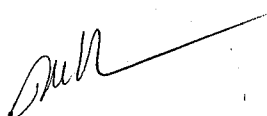
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	14	24	213	890	0	7		
2	CLI	4	4	37	265	23	8		
3	GTC1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	28	250	1.155	23	21		
WEIGHT KG				250	1.155	23			

GRAND TOAL: 1.428 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	TO: P2 - VSP02 - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HUNG - XTrường - DTùng	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN NGOC QUYET	P2	49	1	7		79	NIPI	Vietnamese
2	NGUYEN CONG THANH	P2	41-42	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
3	BUI ĐỨC HẬU	P2	45-46	2	10	20	59	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THU	P2	48	1	7		51	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM HUYNH CUONG	P2	53-54	2	20	42	75	CODIEN	Vietnamese
6	HA MANH HOANG	P2	55	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM XUAN HAI	P2	56	1	12		74	CODIEN	Vietnamese
8	LUONG VAN LEN	P2	33-34	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN SI HAI	P2	37-38	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI NGOC NAM	P2	50-51	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG MINH HAI	P2	39-40	2	12		58	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUU LUONG	P2	36	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐINH VU TIEN	P2	47	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
14	LE QUOC HUONG	P2	35	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	VU DUY ĐỨC	P2	32	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN TRAN VINH	P2	52	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM HUU DAT	VSP02	35-36	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	31	1	9		97	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VAN PHU	VSP02	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THE VINH	VSP02	33	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH TRUONG PHI	VSP02	79	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU LONG	PVD1	41	1	12		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

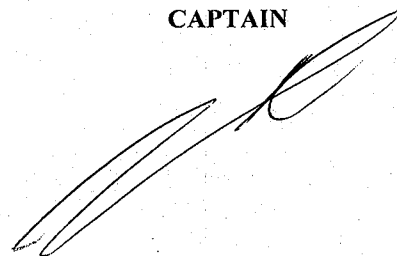
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	23	191	1.068	62	2		
2	VSP02	5	6	47	394	0	16		
3	PVD1	1	1	12	63	0	4		
TOTAL		22	30	250	1.525	62	22		
WEIGHT KG				250	1.525	62			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/05/2022	TO: P3 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 13:30
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Linh - Phong - QTrương	ETA: 15:10
TIM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NGHĨA	P3	19-20	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN SỸ	P3	27	1	14	29	77	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN QUANG	P3	23-24	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGO ĐÌNH NHẬT MINH	P3	25-26	2	17		84	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM TÙNG DƯƠNG	P3	18	1	6		77	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VIỆT	P3	21-22	2	14		77	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN PHÚC HIẾN	P2	98-99	2	15	60	89	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC CHÍN	P2	17-18	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P2	15-16	2	12		73	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HỒNG HẠN	P2	19-20	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐO XUAN HIỆP	P2	93-94	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU TOÀN	P2	95-96	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN HỒNG THÀNH	P2	97	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THANH	P2	21-22	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ TIẾN LỢI	P2	92	1	7		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TỌ	P2	91	1	5		52	PSV	Vietnamese
17	HOANG XUAN ĐÔNG	P2	10	1	6		59	PSV	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HIỆP	P2	09	1	7		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	6	10	85	450	29	0		
2	P2	12	19	155	822	60	22		
TOTAL		18	29	240	1.272	89	22		
WEIGHT KG				240	1.272	89			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN